

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2025/HC-PT

Ngày: 23 - 4 - 2025

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành
chính trong quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên và ông Trần Minh Châu- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên) vụ án hành chính thụ lý số 34/2025/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2025 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 68/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2991/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: T2, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mai N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 18, phường N, quận L, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V (Xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Văn Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V (Xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh T- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã X (Xin xét xử vắng mặt).

3.3. Công ty Cổ phần Tập đoàn E; Địa chỉ: Khu đô thị Thương mại và Du lịch V- xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn E (Xin xét xử vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: T2, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

3.5. Anh Lê Văn D, sinh năm 1986; Địa chỉ: T2, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

3.6. Anh Lê Văn D1, sinh năm 1988; Địa chỉ: T2, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

3.7. Anh Lê Văn T2, sinh năm 1990; Địa chỉ: T2, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

3.8. Bà Lê Thị C, sinh năm 1945; Địa chỉ: T10, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh D, anh D1, bà C và anh T2: Ông Lê Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: T2, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Theo Biên bản giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình năm 1998 thể hiện, hộ ông Lê Văn T có các nhân khẩu được giao đất nông nghiệp là các thành viên hộ gia đình gồm: ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Văn D, anh Lê Văn D1, anh Lê Văn T2. Tổng diện tích được giao theo tiêu chuẩn nhân khẩu là 2795,76 m².

Gia đình ông đã bị thu hồi đối với các xứ đồng gồm: Đồng Dăm (509,76 m²), Đồng Sở (diện tích 345,6 m²), Thị Đàm (diện tích 97,2 m²), Dinh (diện tích là 108 m²).

Ngày 24/04/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã chỉ đạo, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông tại các xứ đồng: Thì Đầm (97,2 m²), Dinh (108 m²) tại địa bàn xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên để giao cho Công ty Cổ phần Tập đoàn E (trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị V) là chủ đầu tư dự án Ecopark. Đối với xứ đồng Dinh (108 m²) diện tích phần đất này nằm ngoài dự án, tuy nhiên phần diện đất này vẫn bị UBND huyện V cưỡng chế thu hồi đất và hoa màu trên đất của gia đình trái pháp luật.

Đối với xứ đồng Dặm (509,76m²), Đồng Sở (345,6 m²) thì gia đình ông đã di dời tài sản do bị cưỡng chế trong đợt 1 từ ngày 08/01/2009, thửa đất này không nằm trong phạm vi bị cưỡng chế ngày 24/04/2012.

Hành vi chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đã vi phạm các quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bởi các lý do sau đây:

- Dự án E không chứng minh được lý do thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai 2003.

- Tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND huyện V chưa đủ căn cứ pháp lý về văn bản phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, không có Thông báo thu hồi đất, không ra quyết định thu hồi đất hoặc quyết định cưỡng chế thu hồi đất; không xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND xã không niêm yết quyết định cưỡng chế thu hồi đất tại trụ sở UBND xã theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện V chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất mà không bàn bạc với các hộ có đất bị thu hồi và Hội đồng nhân dân các cấp là trái pháp luật.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V là trái quy định pháp luật; yêu cầu Công ty cổ phần Tập đoàn E ngừng ngay hoạt động thi công và hoàn trả tài sản đất đai đã được bàn giao do hành vi cưỡng chế ngày 24/4/2002 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V trình bày:

- Về chủ trương đầu tư: Dự án Khu đô thị thương mại và du lịch V được triển khai theo các Quyết định:

Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, Phụng Công, Cửu Cao, Long Hưng, Tân Tiến, thị trấn V thuộc huyện V; các xã Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa

thuộc huyện Yên Mỹ và các xã Đông Tảo, Tân Dân, Dân Tiến thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu Thanh Trì đi thị xã Hưng Yên đoạn từ huyện V đến xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng;

Quyết định 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi 4.990.706m² đất theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ tại các xã X, Cửu Cao, Phụng Công và thị trấn V; giao toàn bộ diện tích đất cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị V để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Thương mại dịch vụ và du lịch V, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng (phần diện tích thu hồi tại xã X 1.219.348 m²);

Quyết định số 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi 550.006m² đất theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ tại các xã X, Cửu Cao, Phụng Công và thị trấn V; giao 541.133m² đất cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị V để xây dựng đường từ cầu Thanh Trì đi thị xã Hưng Yên đoạn từ huyện V đến xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu và 8.873m² đất để làm mương thủy lợi mới theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ngày 8/6/2005, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB ngày 8/6/2005 về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giao đất cho Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển đô thị V, để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị - Thương mại - Du lịch V, địa phận xã X, huyện V. Trong đó có nội dung bồi thường đất nông nghiệp cho các hộ dân là 466.605,82m² x 43.425 đồng/ m².

- Về công tác giải phóng mặt bằng: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã tiến hành kiểm kê, lập phương án trình UBND huyện V ban hành quyết định phê duyệt; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra; tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng; chuyển tiền vào Ngân hàng đối với các hộ chưa nhận tiền (theo Công văn số 781/CV-STC ngày 29/9/2008 của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên).

Tổng số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện việc cưỡng chế là 1560 hộ/1720 hộ; tổng số hộ gia đình còn lại không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện cưỡng chế: 160 hộ. Diện tích phải cưỡng chế khoảng 5,86 ha.

(Tính đến thời điểm hiện nay, số hộ gia đình đã nhận tiền giải phóng mặt bằng: 1623 hộ/1720 hộ. Số hộ gia đình không nhận tiền giải phóng mặt bằng là 97 hộ).

- Về công tác tuyên truyền, vận động: Huyện ủy, UBND huyện V và UBND xã X đã tổ chức rất nhiều hội nghị họp dân và đối thoại để tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục các hộ dân ủng hộ dự án; phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB cùng các khoản hỗ trợ của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cho người có đất bị thu hồi (phát cho từng hộ dân bộ tài liệu tuyên truyền).

- Về công tác tổ chức cưỡng chế: Do hộ gia đình ông Lê Văn T không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền (*Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh Hưng Yên*), không thực hiện việc nhận tiền bồi thường GPMB, không chấp hành việc di chuyển cây cối, hoa màu và các loại tài sản trên đất để thực hiện Dự án theo Thông báo số 34/TB-HĐBT ngày 23/11/2011 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V, cho nên hộ gia đình đã có hành vi vi phạm hành chính về pháp luật đất đai quy định tại Khoản 1, Điều 17 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do “không trả lại đất đúng thời hạn theo Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Ngày 05/12/2011, đại diện Hội đồng, UBND xã X và cơ sở thôn đã lập biên bản bàn giao đất với hộ gia đình ông T. Theo đó, hộ gia đình ông T phải tiến hành bàn giao các thửa đất thu hồi vào dự án Khu đô thị thuộc địa phận xã X, các Xứ đồng gồm: Thỉ Đàm diện tích (97,2+ 108) m². Tuy nhiên, hộ gia đình ông T không ký biên bản bàn giao đất.

Ngày 12/12/2011, UBND xã X lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T với hành vi không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 12/12/2011, Tổ công tác thôn đã tiến hành giao biên bản vi phạm hành chính nhưng ông T không ký biên bản.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V (ủy quyền cho ông Chu Quốc H- Phó Chủ tịch UBND huyện theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2011) đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5451/QĐ- XPHC đối với ông Lê Văn T vì đã có hành vi không thực hiện việc giải tỏa tài sản trên đất, bàn giao đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009

của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hình thức xử phạt là phạt tiền với mức phạt là 1.000.000 đồng; yêu cầu ông Lê Văn T phải di chuyển cây cối, hoa màu, các loại tài sản trên đất để bàn giao lại đất đúng thời hạn. Thời hạn nộp phạt là 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Nếu quá thời hạn mà người bị xử phạt không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành và phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế.

Ngày 15/12/2011, Tổ công tác thôn đã đến nhà giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng ông T không hợp tác và không ký biên bản.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 586/QĐ-CCK về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn T; lý do cưỡng chế: Không thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Địa điểm thực hiện cưỡng chế: Xứ đồng T tại xã X, huyện V. Biện pháp cưỡng chế: Giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các Quyết định và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian thực hiện cưỡng chế: Từ ngày 20/4/2012.

Ngày 05/4/2012, Tổ công tác thôn đã đến gia đình để giao quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác cho ông T nhưng ông T không hợp tác.

Ngày 23/4/2012, UBND huyện V ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án Khu Đô thị - Thương mại - Du lịch V.

Ngày 24/4/2012, UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa; kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình không hợp tác.

Người bị kiện xác định về tính hợp pháp, thẩm quyền, trình tự thủ tục, căn cứ ban hành các quyết định hành chính có liên quan (quyết định thu hồi đất, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai) là phù hợp với quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ các quy định của pháp luật về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; sau khi rà soát, đối chiếu với các văn bản thuộc hồ sơ cưỡng chế và trình tự các bước thực hiện cưỡng chế nêu trên, Chủ tịch UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 đối với người khởi kiện là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án

nhân dân tỉnh Hưng Yên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên thống nhất quan điểm, đề nghị của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V và không bổ sung nội dung gì khác.

- UBND xã X, huyện V có quan điểm xác định việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình người khởi kiện đã bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Công ty Cổ phần Tập đoàn E trình bày: Toàn bộ dự án của Công ty được nhà nước giao đất là đúng quy định của pháp luật, do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

- Các thành viên hộ gia đình có đất bị thu hồi đều thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện, không ai có ý kiến khác.

Tại Bản án số 68/2024/HC-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3, khoản 4, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 60, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 23 Luật đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001; Điều 39, 40, 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 20, 55, 56, 66, 67 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi, bổ sung năm 2008; Điều 4, 5, 17, 25 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 4, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hành vi tổ chức cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình ông là trái pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2024, ông Lê Văn T là người khởi kiện kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc Công ty cổ phần Tập đoàn E hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất cho gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Lê Văn T không rút đơn

khởi kiện, không rút kháng cáo. Ông T đề nghị hủy bản án sơ thẩm, buộc Công ty cổ phần Tập đoàn E trả lại toàn bộ diện tích đất cho gia đình ông vì Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ không có dấu, đất bị thu hồi trong dự án gia đình ông không nhận được quyết định nào, diện tích đất bị thu hồi 108 m² nằm ngoài dự án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: - *Về tố tụng*: Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án số 68/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Ngày 18/7/2024, người khởi kiện Lê Văn T nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vụ án theo đúng Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết và đối tượng khởi kiện:

Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện V ngày 24/4/2012 đối với hộ gia đình ông tại xứ đồng T, D thuộc xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên là trái pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã xác định đúng đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 3, khoản 4 Điều 32, a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân

dân tỉnh Hưng Yên có xem xét quyết định hành chính có liên quan là đúng quy định tại khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 3 Điều 191 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất cho Chủ đầu tư:

Việc thu hồi đất và giao đất cho Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần tập đoàn E (trước đây là Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đô thị V) để thực hiện Dự án Khu đô thị và thương mại dịch vụ V được thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Tại Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ có nội dung: Thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, Phụng Công, Cửu Cao, Long Hưng, Tân Tiến, thị trấn V thuộc huyện V; các xã Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa thuộc huyện Yên Mỹ và các xã Đông Tảo, Tân Dân, Dân Tiến thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu Thanh Trì đi thị xã Hưng Yên đoạn từ huyện V đến xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong đó, diện tích đất giao cho Chủ đầu tư đã bỏ vốn xây dựng đường là 4.990.706m²/tổng số 5.540.712 m². Chủ đầu tư sử dụng diện tích đất được giao trên theo đúng quy hoạch và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vị trí, ranh giới của diện tích đất giao cho Chủ đầu tư (trong đó đã bao gồm 1.292.618 m² tại xã X) được xác định theo các tờ bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên lập năm 2004.

Thực hiện Quyết định số 742/QĐ-TTg, ngày 21/10/2004, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UB về việc thu hồi 4.990.706 m² đất tại các xã X, Cửu Cao, Phụng Công và thị trấn V; giao toàn bộ diện tích đất cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị V để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Thương mại dịch vụ và du lịch V, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng (phần diện tích thu hồi tại xã X 1.219.348 m²). Đồng thời, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2550/QĐ-UB về việc thu hồi 550.006 m² đất tại các xã X, Cửu Cao, Phụng Công và thị trấn V; giao 541.133 m² đất cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị V để xây dựng đường từ cầu Thanh Trì đi thị xã Hưng Yên đoạn từ huyện V đến xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu và 8.873 m² đất để làm mương thủy lợi mới theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ngày 8/6/2005, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất,

giao đất cho Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển đô thị V, để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị - thương mại- du lịch V, địa phận xã X, huyện V. Trong đó có nội dung bồi thường đất nông nghiệp cho các hộ dân là $466.605,82 \text{ m}^2 \times 43.425\text{đ/ m}^2$.

Theo quy định tại Điều 23 của Luật đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001 và quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 66/NĐ- CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/NĐ - CP ngày 11/2/2000 thì Chính phủ có thẩm quyền thu hồi đất, giao đất theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng. Do đó, ngày 30/6/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 742/QĐ-TTg có nội dung thu hồi $5.540.712\text{m}^2$ đất tại một số xã của huyện V, trong đó có xã X và giao cho chủ đầu tư thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn huyện V, tỉnh Hưng Yên là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 44 của Luật đất đai năm 2003, UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện đều có thẩm quyền thu hồi đất. Do đó, ngày 21/10/2004, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UB có nội dung thu hồi đất tại một số xã, thị trấn của huyện V và giao cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị V để thực hiện các dự án tại huyện V là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 2003 và Quyết định số 742/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 6/8/2007, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 1331/QĐ – UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại xã X, huyện V để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Thương mại – Du lịch V (đợt 5). Tổng cộng có 141 hộ được nhận tiền bồi thường.

Ngày 29/9/2008, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2788/QĐ - UBND, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ thuộc diện kiểm kê bắt buộc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã X, huyện V, để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị thương mại du lịch V. Diện tích đất bị thu hồi được xác định theo quyết định này là $194.416,31 \text{ m}^2$; tổng số hộ có đất thu hồi được bồi thường là 304 hộ.

Sau đó, UBND xã X tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra; tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng; chuyển tiền vào Ngân hàng đối với các hộ chưa nhận tiền. Kết quả thực hiện giải phóng mặt bằng thể hiện, số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 1623 hộ/1720 hộ, số hộ gia đình không nhận tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 97 hộ.

Như vậy, UBND tỉnh Hưng Yên, UBND huyện V và UBND xã X đã thực hiện đúng quy định của pháp luật đất đai về thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và tổ chức chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi tại xã X, huyện V theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

[3.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 5451/QĐ-XPHC ngày 13/12/2011 của Chủ tịch UBND huyện V; Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 586/QĐ-CCK ngày 05/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V; về hành vi tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X, huyện V ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V để thực hiện Dự án Khu đô thị, thương mại – du lịch V:

Ngày 22/11/2011, UBND huyện V ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND tổ chức bàn giao đất ngoài thực địa tại xã X để thực hiện dự án Khu đô thị, thương mại – du lịch V. Ngày 23/11/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V ban hành Thông báo số 34/TB-HĐBT về việc di chuyển cây cối, hoa màu và các loại tài sản trên đất để thực hiện dự án. Các Thông báo này được đọc trên hệ thống loa truyền thanh xã, được niêm yết tại trụ sở UBND xã X và Nhà văn hóa các thôn, được chứng minh bằng Biên bản làm việc ngày 01/12/2011. Theo nội dung của Thông báo số 34/TB-HĐBT, đối với các hộ đã nhận tiền bồi thường, đã cam kết bàn giao mặt bằng thì trong 30 ngày kể từ ngày thông báo phải hoàn thành việc di chuyển cây cối, hoa màu; đối với những hộ chưa nhận tiền bồi thường, thời gian tự nguyện di chuyển xong trước trước ngày 05/12/2011.

Ngày 28/11/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V ban hành Kế hoạch số 35/KH-HĐ về tổ chức thực hiện việc bàn giao đất ngoài thực địa tại xã X để thực hiện dự án Khu đô thị, thương mại – du lịch V.

Ngày 05/12/2011, Tổ công tác của UBND xã X đề nghị các hộ gia đình chưa nhận tiền bồi thường, chưa bàn giao đất ký biên bản bàn giao đất để thực hiện dự án, tuy nhiên các hộ gia đình này, trong đó có hộ gia đình ông T không ký biên bản.

Do người khởi kiện không giao đất theo đúng thời hạn theo Thông báo số 34/TB-HĐBT, nên ngày 12/12/2011, UBND xã X đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với người khởi kiện do đã có hành vi vi phạm hành chính là không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với một số hộ dân của xã X, trong đó có hộ gia đình của người khởi kiện do đã có hành vi vi phạm là không thực hiện việc giải tỏa tài sản trên đất, bàn giao đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã vi phạm quy định tại Điều 39, 40 của Luật đất đai năm 2003, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính này thì người vi phạm ngoài việc phải chịu hình thức xử phạt tiền, còn buộc phải di chuyển cây cối, hoa màu, các loại tài sản khác trên đất để bàn giao đúng thời hạn. Thời hạn người vi phạm thực hiện quyết định hành chính là 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định, quá thời hạn mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế. Ông Lê Văn T được tổ công tác của UBND xã X giao trực tiếp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã từ chối nhận văn bản.

Như vậy, việc người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hộ gia đình tại xã X, trong đó có hộ gia đình của người khởi kiện do không giao đất, không di chuyển tài sản trên đất để bàn giao đất đúng thời hạn là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại các Điều 20, 55, 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 39, 40 của Luật đất đai năm 2003, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V ban hành các Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hộ dân của xã X đã không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong đó có hộ gia đình ông Lê Văn T. Theo nội dung của các Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì địa điểm cưỡng chế tại các xứ đồng của xã X, biện pháp cưỡng chế là giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các quyết định và thông báo của cơ quan nhà nước, thời gian cưỡng chế từ ngày 20/4/2012. Các hộ gia đình thuộc đối tượng bị cưỡng chế, trong đó có hộ gia đình ông T được tổ công tác của UBND xã X giao trực tiếp Quyết định cưỡng chế nhưng đã từ chối nhận văn bản.

Ngày 19/4/2012, UBND huyện V ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án Khu đô thị, thương mại – du lịch V.

Ngày 23/4/2012, UBND huyện V ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án Khu đô thị, thương mại – du lịch V.

Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa. Kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình không hợp tác. Cùng ngày, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, UBND huyện V và UBND xã X đã ký Biên bản bàn giao đất (mặt bằng thi công) cho Chủ đầu tư sau khi hoàn thành xong cưỡng chế (có Biên bản bàn giao đất).

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 05/4/2012 và tổ chức cưỡng chế giải phóng mặt bằng, hỗ trợ thi công ngày 22/4/2012 là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại Điều 66, 67 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 4, 6, 7, 8, 9 của Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[3.3] Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Công ty Cổ phần tập đoàn E ngừng thi công và hoàn trả lại quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo loại việc nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trong vụ án này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn T là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện và quyết định hành chính có liên quan, đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện (ông Lê Văn T) không được chấp nhận nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Văn T và giữ nguyên quyết định của Bản án số 68/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Văn T.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/4/2025.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND-VKSND-Cục THADS thành phố Hưng Yên;
- Các đương sự, (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng